

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
1	112329827	Phạm Thị Ngọc Dung	K12KDN4	9	9	8			6			4.4	5.9	Năm phẩy Chín	
2	112421268	Phạm Quang Hải	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
3	122321221	Phạm Thị Hồng Vy	K13KDN1	9	6	7			7			7.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
4	132326001	Nguyễn An	K13KDN1	9	7	7			9			6.7	7.3	Bảy phẩy Ba	
5	132326010	Nguyễn Duy Lê Ánh	K13KDN1	10	7	7			8			5.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
6	132326016	Nguyễn Thị Ngọc Bình	K13KDN1	9	7	6			5			5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
7	132326022	Nguyễn Thị Minh Châu	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
8	132326029	Hồ Thị Chung	K13KDN1	10	6	7			6			5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
9	132326035	Huỳnh Trịnh Quang Đạt	K13KDN1	10	7	7			6			5.2	6.2	Sáu phẩy Hai	
10	132326041	Nguyễn Minh Đức	K13KDN1	5	4	7			5			4.5	4.8	Bốn phẩy Tám	
11	132326050	Trần Thùy Dung	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
12	132326058	Nguyễn Thị Giang	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
13	132326064	Trần Mạnh Hà	K13KDN1	5	7	7			7			5.9	6.2	Sáu phẩy Hai	
14	132326073	Nguyễn Thị Thu Hằng	K13KDN1	10	6	7			8			5.6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
15	132326079	Phạm Thị Thu Hậu	K13KDN1	8	7	7			7			6.6	6.9	Sáu phẩy Chín	
16	132326086	Phan Thị Hải Hiền	K13KDN1	8	7	5			5			5.4	5.7	Năm phẩy Bảy	
17	132326092	Võ Ngọc Hiệp	K13KDN1	6	7	6			5			5.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
18	132326100	Trần Thị Thanh Hoài	K13KDN1	8	7	7			9			6.8	7.3	Bảy phẩy Ba	
19	132326107	Bùi Văn Hưng	K13KDN1	10	7	9			7			5.9	6.9	Sáu phẩy Chín	
20	132326116	Nguyễn Thị Minh Hương	K13KDN1	7	6	7			7			6.1	6.4	Sáu phẩy Bốn	
21	132326124	Nguyễn Gia Khánh	K13KDN1	5	6	5			5			4.7	4.9	Bốn phẩy Chín	
22	132326132	Nguyễn Thị Phương Lan	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
23	132326140	Nguyễn Thị Mĩ Liên	K13KDN1	10	6	7			7			6.2	6.8	Sáu phẩy Tám	
24	132326157	Trần Thị Mỹ Loan	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
25	132326164	Lê Thị Ly	K13KDN1	9	6	7			9			7.8	7.8	Bảy phẩy Tám	
26	132326170	Trương Thị Vi Na	K13KDN1	9	6	7			6			5.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
27	132326177	Trần Thị Huỳnh Nga	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
28	132326184	Võ Thị Kim Ngân	K13KDN1	9	6	6			6			6.2	6.4	Sáu phẩy Bốn	
29	132326192	Trần Thị Ánh Nguyệt	K13KDN1	10	6	7			7			6.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
30	132326199	Phan Thị Hà Nhi	K13KDN1	9	6	7			5			5.5	6.0	Sáu	
31	132326209	Trịnh Thị My Nương	K13KDN1	10	7	7			7			5.7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
32	132326220	Dương Thị Hồng Phúc	K13KDN1	8	7	7			6			6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	

Thời gian : -

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
33	132326227	Ngô Thị Thu	Phương	K13KDN1	10	7	7			8			7.8	7.9	Bảy phẩy Chín
34	132326228	Nguyễn Hữu	Phương	K13KDN1	5	7	7			5			5.1	5.5	Năm phẩy Năm
35	132326235	Phạm Thị	Phương	K13KDN1	10	7	7			7			6.2	6.9	Sáu phẩy Chín
36	132326242	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
37	132326249	Nguyễn Vũ	Thanh	K13KDN1	10	6	6			8			6.6	7.0	Bảy
38	132326257	Nguyễn Văn Bích	Thảo	K13KDN1	9	6	5			6			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm
39	132326265	Hoàng Thị Phương	Thảo	K13KDN1	8	6	7			7			5.7	6.3	Sáu phẩy Ba
40	132326272	Phạm Thị	Thơm	K13KDN1	10	6	6			6			5.6	6.2	Sáu phẩy Hai
41	132326280	Trần Thị Hà	Thương	K13KDN1	8	6	7			7			5.8	6.3	Sáu phẩy Ba
42	132326287	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	K13KDN1	9	7	7			6			6.2	6.6	Sáu phẩy Sáu
43	132326298	Võ Mạnh	Tiến	K13KDN1	5	4	7			6			5.3	5.4	Năm phẩy Bốn
44	132326307	Lương Thị Quỳnh	Trang	K13KDN1	10	6	7			6			6.7	6.9	Sáu phẩy Chín
45	132326315	Lê Thanh	Trang	K13KDN1	10	7	8			9			8.9	8.7	Tám phẩy Bảy
46	132326330	Nguyễn Thị Trúc	Uyên	K13KDN1	10	7	7			7			7.3	7.5	Bảy phẩy Năm
47	132326344	Trần Cao Hoài	Vũ	K13KDN1	10	6	6			6			6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu
48	132326353	Nguyễn Thị Hồng	Yến	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
49	132326360	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	K13KDN1	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
50	132326363	Trần Thị Tố	Trình	K13KDN1	10	7	7			9			8.0	8.2	Tám phẩy Hai
51	132326004	Lê Thị Thủy	Anh	K13KDN2	9	7	7			7			7.1	7.3	Bảy phẩy Ba
52	132326011	Hoàng Thị Ngọc	Anh	K13KDN2	6	7	7			7			5.7	6.2	Sáu phẩy Hai
53	132326017	Phạm Thị	Bình	K13KDN2	10	7	6			5			5.0	5.8	Năm phẩy Tám
54	132326024	Nguyễn Thị Lan	Chi	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
55	132326036	Huỳnh Thị Ánh	Diễm	K13KDN2	9	6	7			7			7.0	7.1	Bảy phẩy Một
56	132326043	Nguyễn Thị	Dung	K13KDN2	8	7	7			7			5.7	6.4	Sáu phẩy Bốn
57	132326051	Dương Công	Đường	K13KDN2	10	6	6			5			6.7	6.6	Sáu phẩy Sáu
58	132326059	Phan Thị	Hằng	K13KDN2	9	7	7			8.8			7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu
59	132326074	Phùng Thị	Hằng	K13KDN2	10	7	9			6.8			8.0	8.0	Tám
60	132326080	Bùi Thị Thu	Hiền	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
61	132326087	Phan Thị Minh	Hiền	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
62	132326094	Nguyễn Thị	Hin	K13KDN2	10	8	9			6.3			7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy
63	132326102	Trần Thị Ánh	Hồng	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
64	132326108	Nguyễn Tiến	Hưng	K13KDN2	9	6	6			7.3			4.4	5.6	Năm phẩy Sáu

Thời gian : -

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
65	132326117	Vũ Ngọc Huy	K13KDN2	8	6	6			2			5.8	5.5	Năm phẩy Năm	
66	132326141	Lê Thị Ngọc Liễu	K13KDN2	10	8	9			5.5			7.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
67	132326151	Phạm Thị Ngọc Linh	K13KDN2	10	8	9			5.3			6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
68	132326158	Nguyễn Thị Lua	K13KDN2	10	7	7			9			5.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
69	132326165	Cù Thị Mến	K13KDN2	10	7	7			8.8			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
70	132326171	Nguyễn Bá Nam	K13KDN2	9	6	6			5			5.9	6.1	Sáu phẩy Một	
71	132326178	Võ Thị Thy Nga	K13KDN2	10	9	8			5.7			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
72	132326185	Phan Lê Dạ Ngân	K13KDN2	10	8	7			6			7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
73	132326193	Trần Thị Nhàn	K13KDN2	10	7	9			4.5			6.7	7.0	Bảy	
74	132326200	Văn Thị Khánh Nhi	K13KDN2	10	8	7			7.3			8.0	8.0	Tám	
75	132326212	Nguyễn Thị Oanh	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
76	132326221	Nguyễn Vũ Phước	K13KDN2	9	6	6			5.5			6.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
77	132326229	Nguyễn Thị Phương	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
78	132326236	Phạm Thái Quý	K13KDN2	9	7	7			6.3			5.3	6.2	Sáu phẩy Hai	
79	132326243	Trần Thị Tâm	K13KDN2	10	9	8			5.7			4.6	6.1	Sáu phẩy Một	
80	132326250	Phan Thị Hồng Thanh	K13KDN2	10	7	7			6			7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	
81	132326258	Phạm Minh Thảo	K13KDN2	9	6	6			6.3			5.4	6.0	Sáu	
82	132326266	Nguyễn Văn Thiên	K13KDN2	9	6	6			5.5			5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
83	132326282	Đoàn Phương Thuý	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
84	132326288	Đồng Thị Bích Thuỷ	K13KDN2	10	7	7			8.5			5.9	6.9	Sáu phẩy Chín	
85	132326299	Võ Thị Thúy Tiên	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
86	132326308	Nguyễn Mai Trang	K13KDN2	10	9	7			7			7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu	
87	132326316	Lê Thị Diễm Trinh	K13KDN2	10	9	9			6.5			7.6	8.0	Tám	
88	132326323	Nguyễn Hoàng Tú	K13KDN2	10	10	8			5.5			6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn	
89	132326332	Bùi Thị Thanh Vân	K13KDN2	10	8	9			5.8			7.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
90	132326339	Nguyễn Nữ Bích Việt	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
91	132326343	Nguyễn Thị Nguyên Vũ	K13KDN2	9	10	8.5			8			8.3	8.5	Tám phẩy Năm	
92	132326346	Trần Nguyễn Phương Vỹ	K13KDN2	10	7	7			8.5			6.4	7.2	Bảy phẩy Hai	
93	132326354	Nguyễn Thị Kim Yến	K13KDN2	10	8	9			6.5			6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
94	132326361	Lê Nhật Linh	K13KDN2	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
95	132326005	Lưu Thị Kim Anh	K13KDN3	10	8	9			7			5.2	6.6	Sáu phẩy Sáu	
96	132326012	Nguyễn Tuấn Anh	K13KDN3	7	7	6			5.5			4.3	5.2	Năm phẩy Hai	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
97	132326018	Trần Thị Thanh	Bình	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
98	132326031	Trần Công	Cường	K13KDN3	10	10	8			6			6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn
99	132326037	Phùng Thị	Đông	K13KDN3	8	7	9			7			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám
100	132326045	Nguyễn Thị Thu	Dung	K13KDN3	10	8	9			5.7			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn
101	132326060	Đặng Thị	Hà	K13KDN3	10	8	8			8			6.3	7.3	Bảy phẩy Ba
102	132326068	Nguyễn Thị Thanh	Hải	K13KDN3	10	9	9			6.5			7.1	7.7	Bảy phẩy Bảy
103	132326075	Lê Phạm Thu	Hạnh	K13KDN3	8	7	7			8.3			5.0	6.2	Sáu phẩy Hai
104	132326081	Hoàng Thị Thu	Hiền	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
105	132326088	Trịnh Thị Nhi	Hiền	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
106	132326095	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	K13KDN3	10	8	9			5			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba
107	132326103	Đỗ Thị Ngọc	Hợp	K13KDN3	10	10	9			6.3			6.8	7.6	Bảy phẩy Sáu
108	132326109	Châu Thị Linh	Hương	K13KDN3	9	8	8			7.5			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín
109	132326119	Dương Thị Minh	Huyền	K13KDN3	9	7	7			5.3			6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn
110	132326126	Lê Thị	Kiều	K13KDN3	10	8	9			7			6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn
111	132326135	Lê Thị	Lệ	K13KDN3	10	10	8			7			5.0	6.6	Sáu phẩy Sáu
112	132326153	Hồ Thị Kim	Loan	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
113	132326159	Phạm Thị	Luyến	K13KDN3	10	10	8			7			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám
114	132326166	Đào Diệp	Mi	K13KDN3	10	10	8			6			7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu
115	132326179	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
116	132326186	Nguyễn Thị Trọng	Nghĩa	K13KDN3	9	10	8			6			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín
117	132326195	Hồ Thị Thu	Nhi	K13KDN3	9	9	8			5			5.3	6.3	Sáu phẩy Ba
118	132326214	Phan Thị Kiều	Oanh	K13KDN3	10	9	8			6			3.7	5.6	Năm phẩy Sáu
119	132326222	Hà Đỗ Uyên	Phương	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
120	132326230	Nguyễn Thị Hà	Phương	K13KDN3	10	10	8			7			6.7	7.5	Bảy phẩy Năm
121	132326237	Trần Thị Vi	Sa	K13KDN3	10	9	8			8			4.3	6.3	Sáu phẩy Ba
122	132326251	Võ Thị	Thanh	K13KDN3	10	9	8			6			2.8	5.1	Năm phẩy Một
123	132326260	Phạm Thị Phương	Thảo	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
124	132326267	Bùi Tấn	Thiện	K13KDN3	7	8	7			5			4.3	5.3	Năm phẩy Ba
125	132326274	Nguyễn Thị Mai	Thu	K13KDN3	10	10	8			5			6.1	6.9	Sáu phẩy Chín
126	132326283	Lê Nguyễn Diễm	Thúy	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
127	132326289	Hứa Thanh	Thủy	K13KDN3	9	10	8			6			6.2	7.0	Bảy
128	132326303	Khắc Thi Quỳnh	Trâm	K13KDN3	9	9	8			5			5.4	6.3	Sáu phẩy Ba

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
129	132326309	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
130	132326317	Phan Nguyễn Tuyết	Trinh	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
131	132326324	Trần Anh	Tuấn	K13KDN3	9	9	7			5			3.9	5.4	Năm phẩy Bốn
132	132326334	Phùng Thị Thu	Vân	K13KDN3	10	9	8			6			3.3	5.4	Năm phẩy Bốn
133	132326340	Trịnh Quốc	Việt	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
134	132326347	Huỳnh Thị	Xuân	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
135	132326356	Trần Thị	Yến	K13KDN3	9	10	8			7			5.8	6.9	Sáu phẩy Chín
136	132326358	Phan Thị Ngọc	Hiền	K13KDN3	10	9	9			6.3			7.8	8.0	Tám
137	132426635	Nguyễn Thị Thiên	Kim	K13KDN3	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
138	132326006	Nguyễn Dũng	Anh	K13KDN4	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
139	132326013	Phạm Thị	Bằng	K13KDN4	10	10	8			5			4.2	5.9	Năm phẩy Chín
140	132326019	Đinh Thị	Bưởi	K13KDN4	7	8	8			5			5.6	6.1	Sáu phẩy Một
141	132326032	Võ Công	Cường	K13KDN4	10	10	8			6			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai
142	132326038	Huỳnh Thị Hồng	Đức	K13KDN4	9	8	8			7			4.8	6.2	Sáu phẩy Hai
143	132326046	Nguyễn Thị Thùy	Dung	K13KDN4	10	10	8			6			6.9	7.5	Bảy phẩy Năm
144	132326054	Dương Thị Hiền	Giang	K13KDN4	9	9	8			5			3.3	5.2	Năm phẩy Hai
145	132326061	Hồ Thị Ngọc	Hà	K13KDN4	10	10	7			6			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín
146	132326070	Lê Thị Diễm	Hằng	K13KDN4	10	10	8			5			5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy
147	132326076	Lê Thị Mỹ	Hạnh	K13KDN4	9	9	8			9			5.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
148	132326082	Nguyễn Thị	Hiền	K13KDN4	9	9	8			5			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
149	132326083	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K13KDN4	10	9	5			7			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba
150	132326089	Trương Thị Diệu	Hiền	K13KDN4	9	9	8			7			6.7	7.3	Bảy phẩy Ba
151	132326096	Đoàn Thị	Hoá	K13KDN4	10	9	8			7			5.3	6.7	Sáu phẩy Bảy
152	132326104	Nguyễn Thị	Huế	K13KDN4	10	10	8			6			7.4	7.8	Bảy phẩy Tám
153	132326111	Trần Thị	Hương	K13KDN4	9	9	7			6			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm
154	132326120	Lê Thị Kim	Huyền	K13KDN4	10	10	8			5			4.1	5.8	Năm phẩy Tám
155	132326128	Nguyễn Văn	Lâm	K13KDN4	7	8	7			5			3.8	5.0	Năm
156	132326136	Nguyễn Thị Như	Lên	K13KDN4	10	10	8			6			5.4	6.7	Sáu phẩy Bảy
157	132326145	Đoàn Thị Mỹ	Linh	K13KDN4	9	9	8			5			3.6	5.3	Năm phẩy Ba
158	132326154	Hồ Thị Ngọc	Loan	K13KDN4	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
159	132326160	Vương Hưng	Luyện	K13KDN4	9	10	8			6			4.9	6.3	Sáu phẩy Ba
160	132326167	Trần Thị Hoa	My	K13KDN4	10	10	7			8			7.4	8.0	Tám

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
161	132326174	Nguyễn Thị Kiều Nga	K13KDN4	7	8	8			6			5.3	6.1	Sáu phẩy Một	
162	132326180	Trần Thị Hằng Nga	K13KDN4	10	10	7			8			7.4	8.0	Tám	
163	132326196	Lê Thị Thu Nhi	K13KDN4	10	10	8			5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
164	132326203	Nguyễn Hồng Nhung	K13KDN4	9	9	8			6			4.3	5.9	Năm phẩy Chín	
165	132326215	Phan Thị Như Oanh	K13KDN4	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
166	132326224	Hoàng Thị Lan Phương	K13KDN4	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
167	132326231	Nguyễn Thị Kim Phương	K13KDN4	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
168	132326239	Ngô Minh Tâm	K13KDN4	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
169	132326246	Trần Thị Tân	K13KDN4	7	8	7			5			3.0	4.6	Bốn phẩy Sáu	
170	132326253	Phạm Ngọc Thành	K13KDN4	8	8	7			5			5.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
171	132326261	Trần Vũ Phương Thảo	K13KDN4	6	8	9			5			5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
172	132326268	Hồ Thị Thìn	K13KDN4	10	10	9			5			4.6	6.2	Sáu phẩy Hai	
173	132326275	Phạm Thị Hoài Thu	K13KDN4	8	8	5			4			5.2	5.6	Năm phẩy Sáu	
174	132326276	Đoàn Thị Anh Thư	K13KDN4	6	7	5			3			6.1	5.6	Năm phẩy Sáu	
175	132326284	Nguyễn Thị Thanh Thuý	K13KDN4	8	8	3			3			6.3	5.8	Năm phẩy Tám	
176	132326291	Lê Thị Thu Thủy	K13KDN4	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
177	132326304	Huỳnh Thị Bích Trâm	K13KDN4	10	9	5			6			7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
178	132326311	Trần Thị Nha Trang	K13KDN4	10	9	5			4			6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
179	132326318	Văn Thị Tú Trinh	K13KDN4	10	9	3			4			5.9	6.0	Sáu	
180	132326325	Cao Mạnh Tuấn	K13KDN4	6	7	3			4			4.8	4.8	Bốn phẩy Tám	
181	132326335	Trần Thị Thanh Vân	K13KDN4	8	9	9			5			4.6	5.9	Năm phẩy Chín	
182	132326341	Lê Thị Duy Việt	K13KDN4	10	9	7			5			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
183	132326348	Trần Trinh Thị Minh Xuân	K13KDN4	10	9	7			5			6.7	7.0	Bảy	
184	132326362	Lê Thị Thanh Nhàn	K13KDN4	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
185	122321194	Nguyễn Đình Trà	K13KDN5	6	7	7			4			5.3	5.5	Năm phẩy Năm	
186	132326007	Nguyễn Thị Lan Anh	K13KDN5	8	8	6			7			5.1	6.1	Sáu phẩy Một	
187	132326014	Lê Thị Ngọc Bích	K13KDN5	10	10	8			4			5.6	6.5	Sáu phẩy Năm	
188	132326020	Giao Yến Châu	K13KDN5	10	9	6			7			7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
189	132326027	Trần Thị Chiến	K13KDN5	10	10	8			4			4.9	6.1	Sáu phẩy Một	
190	132326033	Nguyễn Thị Hồng Danh	K13KDN5	10	9	6			5			4.8	5.9	Năm phẩy Chín	
191	132326039	Lê Xuân Đức	K13KDN5	6	7	7			5			4.9	5.4	Năm phẩy Bốn	
192	132326055	Hoàng Thị Hương Giang	K13KDN5	10	9	6			5			4.8	5.9	Năm phẩy Chín	

Thời gian : -

HỌC KỲ : 5

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
193	132326062	Nguyễn Thị Thu Hà	K13KDN5	8	9	8			5			6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
194	132326065	Lê Mỹ Hạnh	K13KDN5	10	9	8			6			4.2	5.9	Năm phẩy Chín	
195	132326071	Nguyễn Thị Thu Hằng	K13KDN5	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
196	132326077	Nguyễn Thị Ái Hạnh	K13KDN5	10	9	7			6			6.3	7.0	Bảy	
197	132326090	Võ Thị Hiền	K13KDN5	8	8	7			4			4.7	5.5	Năm phẩy Năm	
198	132326097	Nguyễn Văn Hoà	K13KDN5	10	9	4			4			5.2	5.8	Năm phẩy Tám	
199	132326105	Đỗ Thùy Huệ	K13KDN5	8	8	7			4			4.8	5.5	Năm phẩy Năm	
200	132326112	Trần Thị Lan Hương	K13KDN5	10	10	8			4			4.8	6.0	Sáu	
201	132326121	Lê Thị Thanh Huyền	K13KDN5	10	9	7			4			5.1	6.0	Sáu	
202	132326130	Đinh Thị Thuý Lan	K13KDN5	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
203	132326137	Lê Thị Li Li	K13KDN5	10	10	8			5			6.4	7.1	Bảy phẩy Một	
204	132326146	Lê Thị Thúy Linh	K13KDN5	6	7	7			5			7.1	6.7	Sáu phẩy Bảy	
205	132326155	Huỳnh Thị Loan	K13KDN5	6	7	4			6			5.4	5.6	Năm phẩy Sáu	
206	132326161	Lê Thị Ly Ly	K13KDN5	8	8	7			7			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
207	132326168	Trần Thị Trà My	K13KDN5	8	8	7			3			5.8	5.9	Năm phẩy Chín	
208	132326175	Nguyễn Thị Việt Nga	K13KDN5	10	9	6			5			5.9	6.5	Sáu phẩy Năm	
209	132326181	Đặng Thị Tuyết Ngân	K13KDN5	10	10	8			5			7.1	7.5	Bảy phẩy Năm	
210	132326189	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K13KDN5	8	8	7			4			V	V	Vắng	
211	132326197	Phạm Thị Quỳnh Nhi	K13KDN5	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
212	132326205	Võ Thị Hồng Nhung	K13KDN5	10	9	7			5			6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
213	132326217	Nguyễn Thị Kiều Oanh	K13KDN5	8	8	7			4			6.2	6.3	Sáu phẩy Ba	
214	132326225	La Thị Phương	K13KDN5	10	9	7			6			7.2	7.5	Bảy phẩy Năm	
215	132326232	Trương Thị Yến Phương	K13KDN5	6	7	7			4			4.5	5.1	Năm phẩy Một	
216	132326240	Nguyễn Đức Tâm	K13KDN5	10	10	8			6			V	V	Vắng	
217	132326247	Phan Thị Thân	K13KDN5	8	9	9			6			5.3	6.4	Sáu phẩy Bốn	
218	132326254	Nguyễn Thị Thu Thanh	K13KDN5	8	8	7			6			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
219	132326262	Võ Thị Phương Thảo	K13KDN5	10	10	9			6			6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
220	132326269	Thái Thị Bích Tho	K13KDN5	8	8	7			5			5.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
221	132326277	Trần Văn Thuận	K13KDN5	5	6	6			5.5			5.2	5.4	Năm phẩy Bốn	
222	132326296	Hoàng Thị Thuỷ	K13KDN5	10	10	9			7.5			6.7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
223	132326305	Bùi Thị Trang	K13KDN5	7	8	9			7.5			6.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
224	132326312	Võ Thị Trang	K13KDN5	10	10	9			7			6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
225	132326319	Mai Thị Phương	Trình	K13KDN5	9	9	8			6.5			6.1	6.9	Sáu phẩy Chín
226	132326328	Hoàng Tú	Uyên	K13KDN5	10	9	8			7.5			6.3	7.3	Bảy phẩy Ba
227	132326336	Võ Thị Hải	Vân	K13KDN5	9	10	9			7.5			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám
228	132326342	Hoàng Hồng	Vinh	K13KDN5	5	6	6			4			4.4	4.7	Bốn phẩy Bảy
229	132326009	Trần Duyên	Anh	K13KDN6	7	8	6			5.3			6.2	6.3	Sáu phẩy Ba
230	132326015	Hứa Văn	Bình	K13KDN6	9	9	6.5			6			5.2	6.2	Sáu phẩy Hai
231	132326021	Lê Thị Quỳnh	Châu	K13KDN6	10	10	9.5			7.5			7.4	8.1	Tám phẩy Một
232	132326028	Hoàng Thị Việt	Chinh	K13KDN6	10	10	9			7.5			5.8	7.2	Bảy phẩy Hai
233	132326034	Tạ Bá	Danh	K13KDN6	8	9	6			4.5			5.3	5.9	Năm phẩy Chín
234	132326056	Nguyễn Thị Bích	Giang	K13KDN6	9	9	8			4.5			5.1	6.1	Sáu phẩy Một
235	132326057	Đặng Thị Thanh	Hà	K13KDN6	10	9	8			6			5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy
236	132326063	Phạm Thị Thu	Hà	K13KDN6	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
237	132326078	Nguyễn Thị	Hậu	K13KDN6	10	10	9.5			8.5			7.1	8.1	Tám phẩy Một
238	132326084	Nguyễn Thu	Hiền	K13KDN6	7	8	8.5			8.5			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai
239	132326091	Trần Thu	Hiền	K13KDN6	9	9	8.5			7			6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn
240	132326098	Trần Thị Thuận	Hòa	K13KDN6	10	10	9			8.5			6.4	7.7	Bảy phẩy Bảy
241	132326106	Ngô Thị	Huệ	K13KDN6	7	8	8.5			5			5.4	6.1	Sáu phẩy Một
242	132326114	Lê Thị	Hương	K13KDN6	8	8	9			6.5			7.2	7.4	Bảy phẩy Bốn
243	132326122	Ngô Thị	Huyền	K13KDN6	8	9	8.5			8.5			5.1	6.6	Sáu phẩy Sáu
244	132326131	Lê Nữ Xuân	Lan	K13KDN6	10	10	8.5			7.5			6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu
245	132326138	Võ Thị Bích	Liêm	K13KDN6	7	8	8			8			5.8	6.7	Sáu phẩy Bảy
246	132326147	Nguyễn Thị Hoài	Linh	K13KDN6	9	9	8.5			7			6.1	7.1	Bảy phẩy Một
247	132326156	Nguyễn Thị	Loan	K13KDN6	10	10	8.5			7			6.3	7.4	Bảy phẩy Bốn
248	132326163	Nguyễn Thị	Lý	K13KDN6	0	0	0			0			0.0	0.0	Không
249	132326169	Võ Thị Sa	My	K13KDN6	3	4	5.5			5.5			5.5	5.1	Năm phẩy Một
250	132326176	Phạm Quốc	Nga	K13KDN6	8	9	8.5			8			6.1	7.1	Bảy phẩy Một
251	132326183	Trần Thị Thu	Ngân	K13KDN6	9	9	7			8			6.6	7.3	Bảy phẩy Ba
252	132326198	Phan Nữ Trà	Nhi	K13KDN6	9	10	9			8			7.7	8.2	Tám phẩy Hai
253	132326208	Hoàng Quảng	Ninh	K13KDN6	7	7	6.5			4			5.3	5.6	Năm phẩy Sáu
254	132326226	Lê Thị Hoài	Phương	K13KDN6	10	9	8.5			6.5			7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu
255	132326233	Lê Thị	Phương	K13KDN6	10	10	8.5			8			6.3	7.5	Bảy phẩy Năm
256	132326234	Lương Thị	Phương	K13KDN6	9	9	8			7.5			7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu

Thời gian : -

HỌC KỲ : 5
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				10	10	10			15				55	SỐ	CHỮ
257	132326256	Hoàng Thị Phương Thảo	K13KDN6	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
258	132326264	Nguyễn Thị Thu Thảo	K13KDN6	10	10	9			8			7.5	8.2	Tám phẩy Hai	
259	132326271	Nguyễn Thị Thoa	K13KDN6	9	9	8			5			6.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
260	132326278	Hoàng Thị Hoài Thương	K13KDN6	0	0	0			0			0.0	0.0	Không	
261	132326286	Lê Thị Thùy	K13KDN6	9	9	7.5			7			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
262	132326297	Huỳnh Thị Tiên	K13KDN6	9	9	7			7			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
263	132326306	Lê Thị Hoài Trang	K13KDN6	10	10	9.5			7.5			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
264	132326321	Lương Thế Trường	K13KDN6	5	6	6.5			6			5.3	5.6	Năm phẩy Sáu	
265	132326329	Huỳnh Thị Tố Uyên	K13KDN6	10	9	8			7			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
266	132326337	Phạm Thị Bích Vân	K13KDN6	10	9	7			7			6.3	7.1	Bảy phẩy Một	
267	132326352	Nguyễn Thị Hồng Yến	K13KDN6	10	9	9			8.5			6.7	7.8	Bảy phẩy Tám	
268	132320518	Hồ Trần Phương Anh	T13KDN4	8	2	8			6			4.5	5.2	Năm phẩy Hai	
269	132320728	Nguyễn Thị Bích Nương	T13KDN4	7	1	8			5			4.3	4.7	Bốn phẩy Bảy	